



Đơn vị: Triệu đồng

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2018

Dự toán												Quyết toán										Đơn vị: 1 triệu đồng Số sánh (%)		
STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương	Chi trả nợ lãi chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Chi nộp ngân sách cấp trên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
																Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên						
	TỔNG SỐ	78.822.539	36.165.171	16.804.736	4.026.611	1.343.846	11.400	1.967.320	5.984.487	12.518.968	83.824.215	19.786.265	16.170.905	1.106.280	11.400	2.931.520	2.639.355	292.166	27.295.808	16.519.754	2.283	106,3%	54,7%	96,2%
1	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	56.996.518	36.165.171	16.804.736	4.026.611	-	-	-	-	-	38.888.690	19.786.265	16.170.905	-	-	2.931.520	2.639.355	292.166	-	-	-	68,2%	54,7%	96,2%
1	Cục Thi hành án dân sự Thị trấn Hồ Chí Minh										32	32												
2	Ban An toàn giao thông thị trấn phố	2.746		2.746							5.613		5.613											
3	Ban bồi thường - giải phóng mặt bằng Q.Gò Vấp										322	322												
4	Ban Bồi thường - Giải phóng mặt bằng Q.Phú Nhuyễn										48	48												
5	Ban Bồi thường - Giải phóng Mặt bằng Quận Thủ Đức										2.310	2.310												
6	Ban Bồi Thường Giải phóng mặt bằng Bình thành										738.201	738.201												
7	Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Huyện Củ chi										691	691												
8	Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Huyện Hóc Môn										9.600	9.600												
9	Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng huyện Nhà Bè										429	429												
10	Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Q.10										18.128	18.128												
11	Ban Bồi Thường Giải phóng mặt bằng Q.11										500	500												
12	Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận 12										41.048	41.048												
13	Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 3										612.708	612.708												
14	Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 5										114	114												
15	Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận 6										901.121	901.121												
16	Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận 8										1.452	1.452												
17	Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 9										61.114	61.114												
18	Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận Tân Bình										825	825												
19	Ban bồi thường GPMB quận Bình Tân.										149.069	149.069												
20	Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Bình Chánh										97.216	97.216												
21	Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Cần Giờ										100	100												
22	Ban Dân tộc	18.927		18.927							25.985	9.789	16.195			-								
23	Ban đối mới Quản lý doanh nghiệp	2.845		2.845							2.358		2.358			-								
24	Ban Liên lạc Cựu tù chính trị và tù binh TP	258		258							258		258			-								
25	Ban Quản lý An toàn thực phẩm TP	98.822		96.847	1.975						79.563		79.563											

[illegible]

[illegible]

STT	Tên đơn vị	Dự toán										Quyết toán										So sánh (%)			
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương	Chi trả nợ lãi chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Chi nộp ngân sách cấp trên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
																Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên							
69	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quân Tân Phú										99.107	99.107													
70	Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng công trình quân Thủ Đức										391.825	391.825													
71	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Quận 1										75.274	75.274													
72	Ban quản lý Đường sắt đô thị	135.332		332	135.000						255.641	143.806	31			111.804	111.804								
73	Ban quản lý Khu Công nghệ cao Tp.HCM	83.246		83.246							52.039		52.039			-									
74	Ban Quản lý Khu công viên Lịch sử - Văn hoá - Dân tộc	31.720		31.720							29.777		29.777			-									
75	Ban Quản lý Khu đô thị Tây bắc	7.806		7.806							7.396		7.396			-									
76	Ban Quản lý Khu đô thị Thủ Thiêm	11.621		11.621							10.575		10.575			-									
77	Ban quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao Tp.HCM	100.949		100.949							119.788	41.045	78.743			-									
78	Ban quản lý rừng phòng hộ Cần Giờ										11.651	11.651													
79	Ban Quản lý Xây dựng Trung tâm Triển Lãm Quy Hoạch Thành phố										35.733	35.733													
80	Bảo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam	1.200		1.200							900		900												
81	Bảo hiểm xã hội Tp HCM	47.088		47.088							46.293		46.293			-									
82	Bảo Nhân dân	10.000		10.000							10.000		10.000			-									
83	Bảo tàng Hồ Chí Minh										2.356	2.356													
84	Bệnh viện An Bình										15		15												
85	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới										216		216												
86	Bệnh viện Bình Dân										3.365		3.365												
87	Bệnh viện Chợ Rẫy										4.877		4.877												
88	Bệnh viện Đa khoa khu vực Thủ Đức										184		184												
89	Bệnh viện Đa khoa Sài Gòn										23		23												
90	Bệnh viện Hùng Vương										84.776		84.776												
91	Bệnh viện Nguyễn Trãi										4.848		4.848												
92	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương										20.486		20.486												
93	Bệnh viện Nhân ái										711		711												
94	Bệnh viện Nhân dân 115										98.297		98.297												
95	Bệnh viện Nhân dân Gia Định										9.174		9.174												
96	Bệnh viện Nhi Đồng 1										33.338		33.338												
97	Bệnh viện Nhi Đồng 2										25		25												
98	Bệnh viện phục hồi chức năng - Điều trị bệnh nghề nghiệp										375		375												
99	Bệnh Viện Quân 2										8.116		8.116												
100	Bệnh Viện Quân 8										50		50												
101	Bệnh Viện Quân Bình Tân										37		37												
102	Bệnh viện Quân v 7A										7.572		7.572												
103	Bệnh Viện Tai Mũi Họng										14		14												
104	Bệnh viện Trung Vương										17.788		17.788												
105	Bệnh viện Truyền máu Huyết học										5.564		5.564												
106	Bệnh viện Từ Dũ										30.467		30.467												
107	Bệnh viện Ung bướu										26		26												

STT	Tên đơn vị	Dự toán									Quyết toán									So sánh (%)					
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương	Chi trả nợ lãi chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Chi nộp ngân sách cấp trên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
																Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên							
108	Bệnh viện Y học Cổ truyền										20.272	20.272													
109	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng	10.828		10.828							12.191		12.191			-									
110	Bộ Tư lệnh thành phố Hồ Chí Minh	134.439		134.439							182.632		182.632			-									
111	Cảng Vụ Đường Thủy Nội Địa Thành phố Hồ Chí Minh										15.831	15.831													
112	Câu lạc bộ Bơi lội Phú Thọ										437	437													
113	Chi các nội dung khác (hoàn trả các khoản thu năm trước, hỗ trợ Quỹ CNC9, hỗ trợ Trung tâm chính hình phục hồi chức năng, trung mua nhà, bồi thường...)	349.078		349.078							265.273		265.273			-									
114	Chi cục Bảo vệ môi trường TPHCM										4.036	4.036													
115	Chi cục Chăn nuôi và Thú y										18.690	18.690													
116	Chi đầu tư phát triển (dự toán giao đầu năm)	36.165.171	36.165.171								-														
117	Chi hỗ trợ các địa phương trong và ngoài nước	127.750		127.750							107.906		107.906			-									